

Bản án số: 239/2019/KDTM-ST

Ngày: 25/4/2019

V/v “*tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN D
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Huỳnh.

2. Bà Lê Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Ánh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Mai Hương- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 1047/2017/TLST-KDTM ngày 01 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-KDTM ngày 27 tháng 2 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2019/QĐST-KDTM ngày 26 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: N hàng Thương mại Cổ phần A.

Trụ sở: Đường P, phường L, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đặng Ngọc D.

Văn bản ủy quyền số 285/207/UQ-TGD ngày 19/10/2017.

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T

Trụ sở: Đường Q, Phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1967.

Địa chỉ: 39 Lê Văn Tám, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 10 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đặng Ngọc D đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

N hàng Thương mại Cổ phần A (viết tắt là HD B) đã cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T (viết tắt là Công ty T) vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1324TT/15/HĐTDHM-DN/045 ngày 28/5/2015, cụ thể như sau:

Hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 (mười tỷ đồng).

Thời hạn cấp hạn mức tín dụng: 12 tháng, kể từ ngày 28/5/2015 đến ngày 28/5/2016.

Lãi suất cho vay: được quy định trong từng khế ước nhận nợ (Khế ước nhận nợ - KUNN).

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Theo đề nghị giải N kiêm khế ước nhận nợ số 1324TT/15/HĐTDHM-DN/045/ĐNGN-KUNN/DN-10 ngày 29/4/2016 (viết tắt là khoản vay 1):

- Số tiền vay: 1.780.000.000 đồng.
- Thời hạn vay: 06 tháng.
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động.
- Lãi suất vay trong hạn: 11,25%/năm.

Theo đề nghị giải N kiêm khế ước nhận nợ số 1324TT/15/HĐTDHM-DN/045/ĐNGN-KUNN/DN-11 ngày 10/5/2016 (viết tắt là khoản vay 2):

- Số tiền vay: 1.850.000.000 đồng.
- Thời hạn vay: 06 tháng.
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động.
- Lãi suất vay trong hạn: 11,25%/năm.

Ngày 29/4/2016 HD B đã chuyển khoản số tiền 1.780.000.000 (Một tỷ bảy trăm tám mươi triệu đồng), ngày 10/5/2016 HD B đã chuyển khoản số tiền 1.850.000.000 (Một tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng) để thanh toán tiền theo hợp đồng cho Công ty T.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu Công ty T thanh toán nợ cho HD B nhưng Công ty T vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho HD B theo hợp đồng đã ký kết. Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vay theo quy định tại Điều 5 của hợp đồng. Cho nên, ngày 08/01/2018 HD B gửi thông báo thu nợ một phần gốc quá hạn của Công ty T.

Tính đến ngày 26/3/2019, Công ty T đã thanh toán một phần số tiền khoản vay 1 cho HD B là 91.991.551 (Chín mươi một triệu chín trăm chín mươi một ngàn năm trăm năm mươi một ngàn đồng).

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty T thanh toán, cụ thể số tiền vay và tiền lãi như sau:

Khoản vay 1:

Số tiền vay: 1.780.000.000 đồng – 91.991.551 đồng = 1.688.008.449 đồng (1).

Tiền lãi: 623.079.654 đồng (Trong hạn: 00 đồng; Quá hạn: 623.079.654 đồng).

Khoản vay 2:

Số tiền vay: 1.850.000.000 đồng (2).

Tiền lãi: 754.665.388 đồng (Trong hạn: 7.515.625 đồng; Quá hạn: 747.149.763 đồng).

Như vậy, số tiền vay: (1) + (2) = 3.538.008.449 đồng; tiền lãi: 1.377.745.042 đồng {trong đó: tiền lãi trong hạn: 7.515.625 đồng; tiền lãi quá hạn: 623.079.654 đồng + 747.149.763 đồng = 1.370.229.417 đồng}

Nguyên đơn yêu cầu Công ty T phải thanh toán một lần toàn bộ tiền vay và tiền lãi cho HD B với tổng số tiền là 4.915.753.491 đồng (trong đó: nợ gốc 3.538.008.449 đồng; lãi trong hạn: 7.515.625 đồng; lãi quá hạn: 1.370.229.417 đồng). Lãi tạm tính đến ngày 26/3/2019. Ngoài ra, Công ty T phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết với HD B kể từ ngày 27/3/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Ngày 23/4/2019 ông Đặng Ngọc D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, thay đổi một phần đối với tiền lãi quá hạn của khoản vay 2, HD B chỉ yêu cầu Công ty T thanh toán tiền lãi quá hạn là 744.098.889 đồng (747.149.763 đồng - 3.050.874 đồng).

Ông D khẳng định các chứng cứ đã được giao nộp, tiếp cận, công khai trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài những chứng cứ trên, nguyên đơn không còn chứng cứ nào khác để cung cấp cho Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Tòa án đã thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng đại diện theo pháp luật của Công ty T là bà Nguyễn Thị Kim N vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiến nghị Tòa án về thời hạn giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Căn cứ Điều 30, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 3 Điều 4 Luật Thương mại 2005; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ hợp đồng tín dụng hạn mức số 1324TT/15/HĐTDHM-DN/045 ngày 28/5/2015; đề nghị giải N kiêm khế ước nhận nợ số 1324TT/15/HĐTDHM-DN/045/ĐNGN-KUNN/DN-10 ngày 29/4/2016; đề nghị giải N kiêm khế ước nhận nợ số 1324TT/15/HĐTDHM-DN/045/ĐNGN -KUNN/DN-11 ngày 10/5/2016; chứng từ ngày 29/4/2016 HD B đã chuyển khoản số tiền 1.780.000.000 (Một tỷ bảy trăm tám mươi triệu đồng), ngày 10/5/2016 HD B đã chuyển khoản số tiền 1.850.000.000 (Một tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng) để thanh toán tiền theo hợp đồng cho Công ty T, các chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự, có cơ sở xác định Công ty T có ký hợp đồng tín dụng (tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh) với HD B theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền: Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính Công ty T tại số Đường Q, Phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Do nơi bị đơn có trụ sở tại quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bà Nguyễn Thị Kim N là đại diện theo pháp luật Công ty T tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bà N vắng mặt, ông D đại diện theo ủy quyền nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Căn cứ hợp đồng tín dụng hạn mức số 1324TT/15/HĐTDHM-DN/045 ngày 28/5/2015; đề nghị giải N kiêm khế ước nhận nợ số 1324TT/15/HĐTDHM-DN/045/ĐNGN-KUNN/DN-10 ngày 29/4/2016; đề nghị giải N kiêm khế ước nhận nợ số 1324TT/15/HĐTDHM-DN/045/ĐNGN -KUNN/DN-11 ngày 10/5/2016; chứng từ ngày 29/4/2016 HD B đã chuyển khoản số tiền 1.780.000.000, ngày 10/5/2016 HD B đã chuyển khoản số tiền 1.850.000.000 để thanh toán tiền theo hợp đồng cho Công ty T, có cơ sở xác định Công ty T vay 02 khế ước nhận nợ của HD B, lãi suất cho vay 11,25%/năm, thời hạn vay 06 tháng.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét đề nghị giải N kiêm khế ước nhận nợ số 1324TT/15/HĐTDHM-DN/045/ĐNGN-KUNN/DN-10 ngày 29/4/2016, giữa Công ty T và HD B có nội dung như sau:

- Số tiền vay 1.780.000.000 đồng

- Thời hạn vay: 06 tháng (từ ngày 29/4/2016 đến ngày 29/10/2016)
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động.
- Lãi suất vay trong hạn: 11,25%/năm.

Ngày 29/4/2016 HD B đã chuyển khoản số tiền 1.780.000.000 đồng cho Công ty T để thanh toán tiền theo hợp đồng số 0027/16DK-TD ngày 26/02/2016. Tính đến ngày 26/3/2019 Công ty T đã thanh toán một phần số tiền khoản vay 1 cho HD B là 91.991.551 đồng (căn cứ thông báo ngày 08/01/2018). Cho nên, số tiền vốn còn lại là 1.688.008.449 đồng. Tiền lãi quá hạn tính từ ngày 31/10/2016 cho đến ngày 26/3/2019 là 623.079.654 đồng (căn cứ phiếu chiết tính lãi tính đến ngày 26/3/2019)

Xét đề nghị giải N kiêm khế ước nhận nợ số 1324TT/15/HĐTDHM-DN/045/ĐNGN -KUNN/DN-11 ngày 10/5/2016, giữa Công ty T và HD B có nội dung như sau:

Số tiền vay: 1.850.000.000 đồng.

- Thời hạn vay: 06 tháng (từ ngày 10/5/2016 đến ngày 10/11/2016)
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động.
- Lãi suất vay trong hạn: 11,25%/năm.

Ngày 10/5/2016 HD B đã chuyển khoản số tiền 1.850.000.000 đồng cho Công ty T để thanh toán tiền theo hợp đồng số 0124/DK-TD ngày 27/02/2016. Tiền lãi trong hạn, bị đơn phải thanh toán từ ngày 28/10/2016 đến ngày 10/11/2016 là 7.515.625 đồng (11,25%/năm). Tiền lãi quá hạn từ ngày 10/11/2016 đến ngày 26/3/2019 là 744.098.889 đồng (16,875%/năm).

Do Công ty T vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nợ cho HD B, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về 02 khoản cho vay trên của HD B. Buộc Công ty T thanh toán, cụ thể như sau:

Số tiền gốc của 02 khoản vay là 3.538.008.449 đồng (bao gồm 1.688.008.449 đồng + 1.850.000.000 đồng).

Tiền lãi trong hạn là 7.515.625 đồng.

Tiền lãi quá hạn là 1.367.178.543 đồng (bao gồm 623.079.654 đồng + 744.098.889 đồng).

Tổng cộng là 4.912.702.617 đồng, trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ Công ty T đã ký với HD B kể từ ngày 27/3/2019 đến ngày trả dứt nợ là có cơ sở chấp nhận.

Bị đơn Công ty T không đến Tòa án cũng không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về tố tụng, kiến nghị Tòa án về thời hạn giải quyết vụ án và đề nghị về nội dung có cơ sở chấp nhận.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, do vậy bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Khoản 3 Điều 4 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T phải thanh toán cho N hàng Thương mại Cổ phần A số tiền 4.912.702.617 (Bốn tỷ chín trăm mười hai triệu bảy trăm lẻ hai ngàn sáu trăm mười bảy đồng) [Trong đó tiền vốn khoản vay 01 là 1.688.008.449 đồng; lãi quá hạn là 623.079.654 đồng; tiền vốn khoản vay 2 là 1.850.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 7.515.625 đồng, tiền lãi quá hạn là 744.098.889 đồng]

Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 27 tháng 3 năm 2019, Công ty Trách nhiệm hữu hạn T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng tín dụng hạn mức số 1324TT/15/HĐTDHM-DN/045 ngày 28/5/2015; đề nghị giải N kiêm khế ước nhận nợ số 1324TT/15/HĐTDHM-DN/045/ĐNGN-KUNN/DN-10 ngày 29/4/2016; đề nghị giải N kiêm khế ước nhận nợ số 1324TT/15/HĐTDHM-DN/045/ĐNGN -KUNN/DN-11 ngày 10/5/2016.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của N hàng Thương mại Cổ phần A thì lãi suất mà Công ty Trách nhiệm hữu hạn T phải tiếp tục thanh toán cho N hàng Thương mại Cổ phần A theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của N hàng Thương mại Cổ phần A.

2/ Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn T phải chịu 112.912.703 đồng (Một trăm mười hai triệu chín trăm mười hai ngàn bảy trăm lẻ ba đồng)

N hàng Thương mại Cổ phần A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 55.899.000 (Năm mươi năm triệu tám trăm chín mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 08959 ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CC THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Kim Phụng